



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG

Địa chỉ: 02 Nguyễn Công Trứ - Thành phố Huế - Việt Nam

Tel: 84.54.3826070 - 3826071 - Fax: 84.54.3832.933 - 3846370

E-mail: hgtourist@dng.vnn.vn - website: www.huonggiangtourist.com



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
HƯƠNG GIANG

HGT

Mục lục:

	Trang
1/ Bảng cân đối kế toán	1 - 2
2/ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	3
3/ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	4
4/ Thuyết minh báo cáo tài chính	5 - 29

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140)	100		66.889549.540	195.878.838.319
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	53.605.193.610	137.388.676.839
Tiền	111		40.605.193.610	136.385.010.172
Các khoản tương đương tiền	112		13.000.000.000	1.003.666.667
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.780.080.563	57.929.695.227
Phải thu khách hàng	131	7	1.908.004.215	1.592.478.232
Trả trước cho người bán	132		102.408.000	30.000.000
Khoản cho vay phải thu	135	8	-	46.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	11.533.047.056	11.070.595.703
Dự phòng phải thu khó đòi	137	10	(763.378.708)	(763.378.708)
Hàng tồn kho	140	11	504.275.367	560.466.253
			504.275.367	560.466.253
Tài sản ngắn hạn khác Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		179.983.690.546	164.265.797.677
Các khoản phải thu dài hạn	210		4.948.817.680	4.948.817.680
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	4.948.817.680	4.948.817.680
Tài sản cố định	220		30.639.244.270	34.381.389.589
Tài sản cố định hữu hình	221	12	29.618.932.799	33.354.684.676
Nguyên giá	222		79.334.283.901	79.089.376.628
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.715.351.102)	(45.734.691.952)
Tài sản cố định vô hình	227	13	1.020.311.471	1.026.704.913
Nguyên giá	228		1.308.338.000	1.308.338.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(288.026.529)	(281.633.087)
Tài sản dở dang dài hạn	240		9.771.006.344	2.332.381.063
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	9.771.006.344	2.332.381.063
Dầu tư tài chính dài hạn	250	15	125.842.669.655	108.321.551.556
Đầu tư vào các công ty con	251		28.275.211.488	28.275.211.488
Đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết	252		109.118.173.722	91.957.055.622
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.000.000.000	3.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(14.910.715.555)	(14.910.715.554)

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
 Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01a - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn khác	260		9.141.952.597	14.281.657.789
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	9.141.952.597	14.281.657.789
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		246.873.240.086	360.144.635.996
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		37.133.961.331	138.331.582.462
Nợ ngắn hạn	310		37.133.961.331	138.331.582.462
Phải trả người bán	311	17	910.030.721	1.383.892.622
Người mua trả tiền trước	312		806.497.612	86.946.760
Thuế phải nộp Nhà nước	313	18	282.765.024	224.376.476
Phải trả người lao động	314		1.650.196.653	2.163.956.918
Phải trả khác	319	19	33.303.599.005	134.472.409.686
Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		180.872.316	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		209.739.278.755	221.813.053.534
Vốn chủ sở hữu	410	20	209.739.278.755	221.813.053.534
Vốn cổ phần	411	21	200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	21	47.223.517.700	47.223.517.700
Lỗi lũy kế	421		(37.484.238.945)	(25.410.464.166)
- Lỗi chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(31.460.816.752)	(11.404.415.192)
- Lỗi kỳ này/năm trước	421b		(6.023.422.193)	(14.006.048.974)
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		246.873.240.086	360.144.635.996

Ngày 15 tháng 01 năm 2018

Người lập:


 Nguyễn Đức Chính
 Kế toán trưởng




 P. Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4/2017

Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý

Mã số	CHI TIẾT	Thuyết minh	Quý 4/2017	Quý 4/2016	Quý 4/2017	Quý 4/2016
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	9,511,352,128	8,720,415,526	42,765,760,364	46,097,541,493
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		9,511,352,128	8,720,415,526	42,765,760,364	46,097,541,493
11	4. Giá vốn hàng bán	24	7,255,185,901	8,949,726,990	28,223,576,319	37,780,659,907
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2,256,166,227	(229,311,464)	14,542,184,045	8,310,881,586
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	1,053,373,269	9,814,287,410	2,869,449,109	13,004,362,149
22	7. Chi phí tài chính	26	(237,370,409)	5,024,058,543	16,250,895	12,908,028,954
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	92,780,140	-	366,943,078
25	8. Chi phí bán hàng		492,606,834	422,210,347	1,891,747,036	947,178,811
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	4,986,971,351	5,208,315,719	22,461,406,005	19,927,109,251
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(1,932,668,270)	(1,069,608,663)	(6,957,770,782)	(12,467,073,281)
31	11. Thu nhập khác		1,272,753	580,742,378	984,836,089	812,704,375
32	12. Chi phí khác		-	1,515,904,160	50,487,500	2,356,609,278
40	13. Lợi nhuận khác		1,272,753	(935,161,782)	934,348,589	(1,543,904,903)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(1,931,395,517)	(2,004,770,445)	(6,023,422,193)	(14,005,978,184)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	-	-	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	29	-	-	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(1,931,395,517)	(2,004,770,445)	(6,023,422,193)	(14,005,978,184)

Thừa Thiên Huế, ngày 15 tháng 11 năm 2017

Người lập


Ngô Đức Chinh
Kế toán trưởngLê Ba Giang
1^o Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý 4/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý			
			Quý 4/2017 VND	Quý 4/2016	Quý 4/2017	Quý 4/2016 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH						
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(1,951,595,517)	(2,004,841,235)	(6,023,422,193)	(14,006,048,974)
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:					
	- Khấu hao tài sản cố định		907,622,573	1,029,236,180	3,987,692,592	4,311,800,385
03	- Các khoản dự phòng		(244,800,570)	665,838,322	-	8,200,984,224
04	- (Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại		17,428,981	(142,139,763)	(21,407,907)	(89,693,305)
05	- (Lãi) lỗ tài khoản đầu tư		(1,053,371,269)	(9,278,096,453)	(2,869,449,109)	(12,183,144,249)
06	- Chi phí lãi vay		-	246,418,223	-	519,679,001
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế đối vốn lưu động		(2,238,975,964)	(9,484,184,725)	(4,927,226,617)	(13,246,422,818)
09	- Biến động các khoản phải thu và tài sản khác		11,852,358,019	15,400,323,824	(2,606,130,169)	24,250,360,189
10	- Biến động hàng tồn kho		(46,968,739)	(178,684,986)	56,190,856	104,155,155
11	- Biến động các khoản phải trả và nợ phải		(119,862,594)	(28,999,167,821)	(101,197,621,130)	(30,139,443,077)
12	- Biến động chi phí trả trước		1,168,773,829	(694,524,548)	8,139,795,193	3,043,968,813
13	- Tiền lãi vay đã trả		-	(246,418,314)	-	(519,679,101)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		81,820,977	-	-	(607,726,753)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	325,000,000	-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		10,997,144,619	(23,877,656,540)	(103,535,081,837)	(17,135,787,592)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ						
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(138,000)	(1,126,042,420)	(9,844,650,654)	11,757,125,310
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	313,074,567	-	313,074,567
23	3. Tiền chi tiền cho vay		-	(18,000,000,000)	-	(51,000,000,000)
24	4. Tiền thu lãi khoản cho vay		5,000,000,000	-	46,000,000,000	5,000,000,000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2,161,118,100)	-	(17,161,118,100)	(1,984,076,154)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		169,803,615	4,838,313,099	735,959,455	15,824,042,122
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		3,008,637,515	(13,974,654,754)	19,730,190,701	(32,684,084,781)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH						
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	-	-	6,000,000,000
34	2. Tiền thu để chi hệ thống ty mẹ		-	-	-	158,423,559,521
35	3. Tiền trả nợ gốc vay		-	-	-	(6,800,000,000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-	-	158,423,559,521
50	Lưu chuyển tiền thuần trong quý		14,005,782,134	(37,852,311,294)	(83,804,891,136)	108,603,687,145
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		39,591,982,495	175,098,848,370	137,388,676,839	28,695,296,386
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		7,428,981	142,139,763	21,407,907	89,693,305
70	Tiền và tương đương tiền cuối quý	6	53,605,193,610	137,388,676,839	53,605,193,610	137,388,676,839

Thừa Thiên Huế, ngày 15 tháng 01 năm 2018

Người lập



Ngô Đức Chính
Kế toán trưởng



Lê Bá Giảng
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ quý 4 kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quý 4 đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang ("Công ty") là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 3243/QĐ-UBND ngày 2 tháng 11 năm 1996 của Ủy ban Nhân dân ("UBND") tỉnh Thừa Thiên Huế, được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2559/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2007 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình như mua bán hàng mỹ phẩm và các chế phẩm vệ sinh;
- Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc như kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đầu như kinh doanh dịch vụ Karaoke;
- Điều hành tour du lịch như kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động như nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống.

(c) Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 197 nhân viên (1/1/2017: 214 nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 2 công ty con (1/1/2017: 2 công ty con) và 7 công ty liên kết, liên doanh (1/1/2017: 6 công ty) như trình bày tại Thuyết minh 15.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ quý 4 kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a- DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu đã kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ quý 4 kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a- DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ quý 4 kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)
Mẫu B 09a- DN

(tham hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản ước tính chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 50 năm
• máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
• phương tiện vận tải	5 – 15 năm
• thiết bị và dụng cụ quản lý	5 – 7 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ quý 4 kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)
Mẫu B 09a- DN

*(Thực hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được xác định bằng 10% trên tổng giá trị thực tế doanh nghiệp tại ngày xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyển thành công ty cổ phần).

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ quý 4 kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a- DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

iii) **Phí cải tạo tài sản**

Phí cải tạo tài sản được thể hiện theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

j) **Phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

k) **Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán.

l) **Vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

m) **Thặng dư vốn cổ phần**

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ quý 4 kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)
Mẫu B 09a- DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Phân chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào tăng dự vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận là khoản giảm trừ thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoài trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp băng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Dịch vụ cho thuê phòng, các dịch vụ khách sạn khác có liên quan và bán vé tham quan

Doanh thu cho thuê phòng, các dịch vụ khách sạn khác có liên quan và bán vé tham quan được ghi nhận khi khách hàng sử dụng các dịch vụ này.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ quý 4 kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)
Mẫu B 09a- DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) **Thu nhập từ cổ tức**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(p) **Các khoản thanh toán thuế hoạt động**

Các khoản thanh toán thuế hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuế. Các khoản hoa hồng đi thuế được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuế.

(q) **Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí lãi vay thì khi đó chi phí lãi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) **Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

4. **Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu trong các ước tính kế toán so với báo cáo tài chính riêng năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của kỳ trước.

5. **Đầu tư vào một công ty liên kết**

Tại ngày 1 tháng 6 năm 2017, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Kinh Thành, một công ty liên kết, thông qua việc bán giao tài sản góp vốn theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 42/2014/HĐHTĐT/Bitesco-Hương Giang, ngày 18 tháng 12 năm 2014 và biên bản bán giao ngày 1 tháng 6 năm 2017. Theo đó, tài sản và nợ phải trả của Công ty tại ngày 1 tháng 6 năm 2017 đã tăng hoặc giảm tại ngày góp vốn như sau:

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
 Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ quý 4 kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)
 Mẫu B 09a- DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị ghi nhận tại thời điểm góp vốn VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.000.000.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở	2.161.118.100
	<hr/>
Tài sản thuần góp vốn có thể xác định được	17.161.118.100
	<hr/>
Tiền thuần chi ra để góp vốn	(15.000.000.000)
	<hr/>

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	257.652.742	108.981.982
Tiền gửi ngân hàng	40.347.540.868	136.276.028.190
Các khoản tương đương tiền	13.000.000.000	1.003.666.667
	<hr/>	<hr/>
	53.605.193.610	137.388.676.839
	<hr/>	<hr/>

Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm 31,9 tỷ VND (1/1/2017: 131,8 tỷ VND) bị hạn chế sử dụng theo Công văn số 1398/STC-TCĐN, ngày 26/5/2016 của Sở Tài chính tỉnh Thừa Thiên Huế. Theo đó, Công ty nhận bộ khoản tiền mua 62,9% cổ phần của Công ty tư Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco và sẽ chỉ chi trả lại cho UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (Thuyết minh 19).

7. Phải thu của khách hàng

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du lịch Thuận An	717.110.038	717.110.038
Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang	66.300.000	1.337.400
Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco	-	3.400.000
Các khách hàng khác	1.124.594.177	870.630.794
	<hr/>	<hr/>
	1.908.004.215	1.592.478.232
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ quý 4 kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)
Mẫu B 09a- DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

8. Khoản cho vay phải thu

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco – nhà đầu tư	-	46.000.000.000

Khoản cho vay phải thu từ nhà đầu tư không được đảm bảo, hưởng lãi suất năm là 9% và sẽ đáo hạn trong tháng 12 năm 2017. Lãi cho vay được nhận vào ngày đáo hạn của khoản vay.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ quý 4 kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)
Mẫu B 09a- DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Cổ tức phải thu	-	6.050.352.585
Ứng tiền mua thêm cổ phần của Công ty Cổ phần Du lịch Mỹ An	5.722.392.550	-
Lãi cho vay phải thu từ Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco Tam ứng	1.570.500.000	-
Phải thu từ dự án tiếp nhận Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế	1.113.170.000	1.110.000.000
Phải thu từ công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang - công ty con	933.690.527	1.895.128.210
Phải thu từ chi hộ Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phước	1.341.777.175	486.959.339
Tiền thuê tiêu thụ đặc biệt nộp hộ VIP Club	298.897.338	298.897.338
Phải thu từ chi hộ công ty Du lịch Cổ đô	220.639.373	220.639.373
Doanh thu chưa xuất hóa đơn	-	229.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Kinh Thành	182.764.610	281.178.432
Phải thu khác	50.892.089	-
	98.323.394	498.440.426
	11.533.047.056	11.070.595.703

Khoản phải thu phí thương mại từ công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và thu được khi yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải thu từ công ty Cổ phần Văn Hóa Đất Việt (*)	4.948.817.680	4.948.817.680

(*) Đây là các khoản chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và khoản ứng trước cho nhà thầu thi công hạng mục Thiên Đường Trần Nhân Tông (nay là Thiên Viện Hương Vân) thuộc dự án Trung Tâm Văn hóa Huyền Trân. Năm 2011, Công ty đã bàn giao sang cho Công ty Cổ phần Văn hóa Đất Việt (trước đây là Công ty Cổ phần Văn hóa Huyền Trân) để tiếp tục theo dõi và quyết toán chi phí thực hiện với các nhà thầu này. Do việc bàn giao công trình chưa hoàn thành nên Công ty tiếp tục theo dõi là khoản phải thu từ Công ty Văn hóa Đất Việt.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ quỹ 3 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09/a-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2017			1/1/2017				
	Số ngày qua hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày qua hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn từ:								
Công ty TNHH Dân tư và	>1.080	717.110.038	(717.110.038)	-	>1.080	717.110.038	(717.110.038)	-
Phát triển Thuận An	>360	46.268.670	(46.268.670)	-	>360	46.268.670	(46.268.670)	-
Khác								
		763.378.708	(763.378.708)	-		763.378.708	(763.378.708)	-

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ quý 4 kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a- DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Hàng tồn kho

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	253.085.813	-	277.006.655	-
Hàng hóa	251.198.554	-	283.459.598	-
	<hr/>		<hr/>	
	504.275.367	-	560.466.253	-

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị và dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	59.312.103.476	11.163.690.675	7.809.440.833	804.141.644	79.089.376.628
Tăng trong kỳ	-	-	244.907.273	-	244.907.273
Số dư cuối kỳ	59.312.103.476	11.163.690.675	8.054.348.106	804.141.644	79.334.283.901
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	33.112.224.306	9.297.613.974	2.605.366.207	719.087.465	45.734.691.952
Khấu hao trong kỳ	2.669.610.825	722.932.622	563.836.426	24.279.277	3.980.659.150
Số dư cuối kỳ	35.781.835.131	10.020.546.596	3.169.202.633	743.766.742	49.715.351.102
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	26.199.879.170	1.866.076.701	5.204.074.626	84.654.179	33.354.684.676
Số dư cuối kỳ	23.530.268.345	1.143.144.079	4.885.145.473	60.374.902	29.618.932.799

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 10.405 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 17.251 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ quý 4 kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a- DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	999.000.000	309.338.000	1.308.338.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	281.633.087	281.633.087
Khấu hao trong kỳ	-	6.393.442	6.393.442
Số dư cuối kỳ	-	288.026.529	288.026.529
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	999.000.000	27.704.913	1.026.704.913
Số dư cuối kỳ	999.000.000	21.311.471	1.020.311.471

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Dự án cải tạo Khách sạn Hương Giang	8.812.118.344	-
Dự án khách sạn 91 Hàn Thuyên	-	2.160.819.654
VP Công ty TNHH LH Hương Giang	866.888.000	2.113.636
Các dự án khác	92.000.000	169.447.773
	9.771.006.344	2.332.381.063

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09/a- DS

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2017		1/1/2017	
	% sốหุ้น	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi số VND	Giá trị ghi số VND
Đầu tư vào các công ty con				
• Công ty TNHH Lữ Hành Hương Giang (a)	100,0%	100,0%	-	11.643.211.488
• Công ty Cổ phần Du lịch Mỹ An (b)	91,4%	91,4%	(5.640.135.709)	16.632.000.000
			<u>28.275.211.488</u>	<u>28.275.211.488</u>
Đầu tư vào các công ty liên kết				
• Công ty TNHH Du lịch Lăng Cô (c)	40,0%	40,0%	(2.514.579.845)	6.239.210.372
• Công ty Cổ phần Dịch vụ du lịch Huế (d)	20,0%	20,0%	(1.200.000.000)	1.200.000.000
• Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phước (e)	31,3%	31,3%	-	940.000.000
			<u>8.379.210.372</u>	<u>8.379.210.372</u>
			<u>(3.714.579.845)</u>	<u>(3.714.579.845)</u>

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a-DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	31/12/2017		1/1/2017	
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi số VND	Dự phòng VND
Dầu tư vào các công ty liên doanh				
• Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế (I)	50,0%	50,0%	50.720.625.000	-
• Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Việt Nhật (g)	50,0%	50,0%	2.556.000.000	(2.556.000.000)
• Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành (h)	49,0%	49,0%	30.301.220.250	-
• Công ty TNHH Dầu tư Du lịch Kinh Thành (i)	35,0%	35,0%	17.161.118.100	-
			<u>100.738.963.350</u>	<u>(2.556.000.000)</u>
Dầu tư vào đơn vị khác				
• Công ty TNHH Dầu tư và Phát triển Du Lịch Thuận An	12,0%	12,0%	3.000.000.000	(3.000.000.000)
			<u>140.393.385.210</u>	<u>(14.910.715.554)</u>
			<u>83.577.845.250</u>	<u>(2.556.000.000)</u>
			<u>3.000.000.000</u>	<u>(3.000.000.000)</u>
			<u>123.232.267.110</u>	<u>(14.910.715.554)</u>

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a-DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (a) Công ty TNHH Lữ Hành Hương Giang được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300383045, ngày 16/09/2005. Hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh du lịch và đại lý vé máy bay.
- (b) Công ty Cổ phần Du lịch Mỹ An được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300422992, ngày 31/10/2006. Hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh du lịch và khách sạn.
- (c) Công ty TNHH Du lịch Lăng Cô được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300384264, ngày 04/01/2006. Hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh khách sạn, dịch vụ, nhà hàng và du lịch.
- (d) Công ty Cổ phần dịch vụ du lịch Huế được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3103000005, ngày 22/06/2000. Hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh thể thao và khu vui chơi giải trí.
- (e) Công ty cổ phần du lịch Thiên Phước được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 311032000011, ngày 25/07/2007. Hoạt động kinh doanh chính là sản xuất nước khoáng tinh khiết đóng chai và dịch vụ giặt.
- (f) Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300100000, ngày 18/10/2004. Hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch.
- (g) Công ty TNHH Dịch vụ du lịch và nhà hàng Việt Nhật được thành lập theo giấy phép đầu tư số 2294/GP, ngày 25/12/2002. Hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh nhà hàng, đồ lưu niệm, dịch vụ du lịch và khách sạn.
- (h) Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300355898, ngày 29/06/2011. Hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch.
- (i) Công ty TNHH Dầu từ Du lịch Kinh Thành được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3301559816, ngày 25/05/2017. Hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch.

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giả niệm về triển vọng cho các khoản đầu tư góp vốn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính này theo phương pháp vốn chưa số lưu.

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa (*) VND	Công cụ và dụng cụ VND	Phí cải tạo tài sản VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	3.199.233.675	5.388.215.263	2.655.921.584	3.038.287.267	14.281.657.789
Tăng trong kỳ	-	570.580.376	678.811.817	1.374.305.300	2.623.697.493
Phân bổ trong kỳ	(3.199.233.675)	(1.865.086.808)	(1.145.843.388)	(1.553.238.814)	(7.763.402.685)
Số dư cuối kỳ	-	4.093.708.831	2.188.890.013	2.859.353.753	9.141.952.597

(*) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa phát sinh từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước - Công ty Du lịch Hương Giang (sau này là Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang). Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa dựa trên biên bản định giá ngày 31 tháng 8 năm 2006 do Cục Quản lý Công sản - Bộ Tài chính phát hành và được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyển thành công ty cổ phần).

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ quý 4 kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả người bán

	31/12/2017 Giá gốc VND	1/1/2017 Giá gốc VND
Công ty TNHH Giặt là Bình Minh	86.061.200	76.967.766
Công ty TNHH TMDV Hoàng Mai Food	107.275.783	-
Công ty TNHH Không Gian Độc Đáo	62.945.500	145.686.500
Các nhà cung cấp khác	653.748.238	1.161.238.356
	<hr/>	<hr/>
Số có khả năng trả nợ	910.030.721	1.383.892.622

18. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/cân trừ trong kỳ VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	191.279.652	3.861.712.486	(3.797.739.577)	255.252.561
Thuế tiêu thụ đặc biệt	9.320.974	143.734.536	(144.898.817)	8.156.693
Thuế thu nhập cá nhân	23.775.850	248.916.217	(254.493.760)	18.198.307
Thuế phí khác	-	189.116.850	(187.959.387)	1.157.463
Thuế nhà đất	-	5.277.193.426	(5.277.193.426)	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	224.376.476	9.720.673.515	(9.662.284.967)	282.765.024

19. Phải trả khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải trả cho UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (*)	31.899.958.740	131.888.422.006
Thu hồi vốn góp tại công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc đang chờ quyết toán	518.052.851	518.052.851
Lãi tiền gửi phải trả các cổ đông	-	885.855.550
Phải trả Cục Sứ hữu Trí tuệ	-	105.000.000
Các khoản phải trả khác	861.445.524	1.075.079.279
	<hr/>	<hr/>
	33.303.599.005	134.472.409.686

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ quý 4 kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a- DN

(Bạt hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Trong tháng 3 năm 2016, Công ty TNHH Tập đoàn Bitesco đã mua lại 62,9% số vốn cổ phần của Công ty từ UBND tỉnh Thừa Thiên Huế theo Quyết định số 624/QĐ-UBND, ngày 30/03/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. Theo đó, Công ty nhận hộ khoản tiền mua cổ phần này từ Công ty TNHH Tập đoàn Bitesco và sẽ chi trả lại cho UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lỗi lũy kế VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	200.000.000.000	17.223.517.700	(11.404.415.192)	235.819.102.508
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	(14.006.048.974)	(14.006.048.974)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	200.000.000.000	17.223.517.700	(25.410.464.167)	221.813.053.534
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	200.000.000.000	17.223.517.700	(25.410.464.167)	221.813.053.534
Điều chỉnh lợi nhuận năm trước (*)			(6.050.352.585)	(6.050.352.585)
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	(6.023.422.193)	(6.023.422.193)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	200.000.000.000	17.223.517.700	(37.484.238.945)	209.739.278.755

(*) Trong năm 2016, Công ty ghi nhận khoản thu nhập từ Công ty TNHH Khách Sạn Kinh Thành theo thông báo ngày 31/12/2016 với số tiền 6.050.352.585 đồng, đến ngày 20/7/2017 Công ty TNHH Khách Sạn Kinh Thành ban hành Nghị quyết điều chỉnh là số lợi nhuận năm 2016 sẽ giữ lại để đầu tư.

21. Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000
Vốn cổ phần hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	17.223.517.700	-	17.223.517.700

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
 Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ quý 4 kết thúc ngày
 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)
 Mẫu B 09a- DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngưng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ.

22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	8.206	185.982.348	6.372	144.727.428
EUR	475	12.755.856	486	11.466.504
		<u>198.738.204</u>		<u>156.193.932</u>

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ quý 4 kết thúc ngày	
	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Tổng doanh thu		
Cho thuê phòng khách sạn	4.769.317.593	3.568.662.334
Dịch vụ và doanh thu khác	4.742.034.535	5.151.753.192
Doanh thu thuần	<u>9.511.352.128</u>	<u>8.720.415.526</u>

24. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ quý 4 kết thúc ngày	
	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Giá vốn hàng bán	7.255.185.901	8.949.726.990
	<u>7.255.185.901</u>	<u>8.949.726.990</u>

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
 Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ quý 4 kết thúc ngày
 31 tháng 12 năm 2017(tiếp theo)
 Mẫu B 09a- DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ quý 4 kết thúc ngày	
	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	169.883.615	895.407.700
Thu nhập từ cổ tức	878.913.836	8.889.743.419
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.575.818	29.136.291
	<u>1.053.373.269</u>	<u>9.814.287.410</u>

26. Chi phí tài chính

	Kỳ quý 4 tháng kết thúc ngày	
	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Chi phí trích lập dự phòng	(244.400.569)	750.622.323
Chi phí thuê đất tại KS. Morin		4.173.075.368
Chi phí lãi vay		92.780.140
Lỗ chênh lệch tỷ giá	7.030.160	7.580.712
	<u>(237.370.409)</u>	<u>5.024.058.543</u>

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ quý 4 kết thúc ngày	
	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Chi phí nhân công	3.003.107.386	2.836.722.009
Phân bổ lợi thế thương mại từ cổ phần hóa	799.808.419	784.362.771
Chi phí công cụ dụng cụ	123.288.386	187.126.943
Chi phí nguyên liệu	211.937.899	120.498.831
Chi phí khấu hao	113.160.948	133.160.948
Chi phí dịch vụ mua ngoài	411.313.021	549.570.524
Chi phí khác	324.355.293	596.873.693
	<u>4.986.971.351</u>	<u>5.208.315.719</u>

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
 Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ quý 4 kết thúc ngày
 31 tháng 12 năm 2017(tiếp theo)
 Mẫu B 09a- DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

28. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ quý 4 kết thúc ngày	
	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	3.089.804.406	3.768.820.376
Chi phí nhân công	4.884.401.924	4.791.427.929
Chi phí khấu hao	996.556.799	943.076.116
Phân bổ lợi thế thương mại từ cổ phần hóa	799.808.419	784.362.771
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.617.138.791	2.022.590.370
Chi phí khác	1.347.053.738	2.269.975.494

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ quý 4 kết thúc ngày	
	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Lỗ kế toán trước thuế	(1.931.395.517)	(2.004.770.445)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(386.279.103)	(400.554.089)
Chi phí không được khấu trừ thuế	-	-
Thu nhập không bị tính thuế	-	-
	(386.279.103)	(400.554.089)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	386.279.103	400.554.089
	-	-

(b) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế (kỳ quý 4 kết thúc ngày 31/12/2016: 20%).

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ quý 4 kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)
Mẫu B 09a- DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 15 tháng 01 năm 2018

Người lập:



Ngô Đức Chinh
Kế toán trưởng

Người duyệt:

P. Tổng Giám đốc